

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Đầu tư điều chỉnh khai thác xuống sâu (từ cote 0 m đến cote -30 m) và nâng công suất khai thác - chế biến mỏ đá xây dựng (từ 300.000 m³/năm lên 800.000 m³/năm đá nguyên khối) tại mỏ đá xây dựng Đông Suối Sông Rinh, xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước do Công ty TNHH Hùng Vương – Bình Phước làm chủ đầu tư

CHỦ TỊCH UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Đầu tư điều chỉnh khai thác xuống sâu (từ cote 0 m đến cote -30 m) và nâng công suất khai thác - chế biến mỏ đá xây dựng (từ 300.000 m³/năm lên 800.000 m³/năm đá nguyên khối) tại mỏ đá xây dựng Đông Suối Sông Rinh, xã Tiến Hưng, thành phố



Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước do Công ty TNHH Hùng Vương – Bình Phước làm chủ đầu tư đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Công văn số 01/HV-BP ngày 21/5/2021;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 344/TTr-STNMT ngày 27/5/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Đầu tư điều chỉnh khai thác xuống sâu (từ cote 0 m đến cote -30 m) và nâng công suất khai thác - chế biến mỏ đá xây dựng (từ 300.000 m³/năm lên 800.000 m³/năm đá nguyên khối) (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Hùng Vương – Bình Phước (sau đây gọi là Chủ Dự án) thực hiện tại mỏ đá xây dựng Đông Suối Sông Rinh, xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

3. Tuân thủ nghiêm túc công tác bảo vệ môi trường trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường, chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt theo các yêu cầu của Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 5. Quyết định này thay thế Quyết định số 2607/QĐ-UBND ngày 13/11/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung của Dự án Đầu tư điều chỉnh nâng công suất khai thác – chế biến đá xây dựng từ 220.000 m³/năm lên 300.000 m³/năm (đá nguyên khối) tại mỏ đá Đông Suối Sông Rinh, xã Tiến Hưng, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước do Công ty TNHH Hùng Vương – Bình Phước làm chủ đầu tư.

Điều 6. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường, Chủ tịch UBND thành phố Đồng Xoài, Chủ tịch UBND xã Tiến Hưng, Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Hùng Vương – Bình Phước và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- Như Điều 6;
- Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh;
- Lãnh đạo VP, Phòng Kinh tế;
- Lưu: VT_(BH-41-QĐPD-30/5).

10/ CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Huỳnh Anh Minh



Phụ lục

Các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án Đầu tư điều chỉnh khai thác xuống sâu (từ cote 0 m đến cote -30 m) và nâng công suất khai thác - chế biến mỏ đá xây dựng (từ 300.000 m³/năm lên 800.000 m³/năm đá nguyên khối) tại mỏ đá xây dựng Đông Suối Sông Rinh, xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước do Công ty TNHH Hùng Vương – Bình Phước làm chủ đầu tư
(Kèm theo Quyết định số ~~14.28~~./QĐ-UBND ngày ~~12~~ /..6../2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước)

1. Thông tin về Dự án:

1.1. Tên Dự án: Đầu tư điều chỉnh khai thác xuống sâu (từ cote 0 m đến cote -30 m) và nâng công suất khai thác - chế biến mỏ đá xây dựng (từ 300.000 m³/năm lên 800.000 m³/năm đá nguyên khối).

1.2. Chủ Dự án: Công ty TNHH Hùng Vương – Bình Phước.

Công ty TNHH Hùng Vương – Bình Phước được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên số 3800752389 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 26/4/2011, cấp thay đổi lần thứ 6 ngày 27/11/2020.

Trụ sở chính: Đường DH 507, ấp 4, xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thế Nghiệp, Chức danh: Giám đốc.

1.3. Địa điểm thực hiện Dự án: Ấp 4, xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

1.4. Phạm vi, quy mô:

- Tổng diện tích khu vực Dự án là 22 ha (không bao gồm diện tích khu vực chế biến, sân công nghiệp và khu phụ trợ, sử dụng chung với dự án của Công ty TNHH Tuấn Kiệt).

- Quy mô công suất khai thác: 800.000 m³/năm (đá nguyên khối).

1.5. Công nghệ của Dự án: Khai thác mỏ lộ thiên, khoan nổ mìn phá đá theo lớp bằng, vận tải trực tiếp trên tầng bằng ô tô.

1.6. Các hạng mục công trình chính của Dự án: Moong khai thác.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án:

- *Tác động trong giai đoạn xây dựng cơ bản:* Bụi, khí thải của phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu; bụi, khí thải từ quá trình xây dựng cơ bản; bụi, khí thải của các thiết bị thi công; nước thải sinh hoạt của công nhân; nước thải trong giai đoạn xây dựng cơ bản; chất thải rắn sinh hoạt của công nhân, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.

- *Tác động trong giai đoạn khai thác, chế biến khoáng sản:* Bụi, khí thải phát sinh từ các phương tiện khai thác, chế biến và vận chuyển khoáng sản; bụi, khí thải do hoạt động nổ mìn, phá đá; bụi phát sinh trên tuyến đường vận chuyển ngoài mỏ;



nước thải phát sinh trong quá trình khai thác mỏ (nước tháo khô mỏ); nước thải sinh hoạt; chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

2.2.1. Trong giai đoạn xây dựng cơ bản:

- *Nước thải sinh hoạt*: Lưu lượng khoảng 16,56 m³/ngày; thành phần ô nhiễm gồm: BOD₅, COD, SS, dầu mỡ động thực vật, NO₃⁻ (nitrat), photphat (PO₄³⁻), amoni, tổng coliform, fecal coliform, trứng giun sán.

- *Nước thải trong quá trình xây dựng cơ bản*: Chủ yếu là nước mưa chảy tràn với lưu lượng khoảng 34.496 m³/ngày; thành phần ô nhiễm gồm: BOD₅, COD, TSS...

2.2.2. Trong giai đoạn khai thác, chế biến khoáng sản:

- *Nước tháo khô mỏ*: Lưu lượng trung bình khoảng 2.400 m³/ngày; thành phần ô nhiễm gồm: pH, TSS, BOD₅, COD, dầu mỡ khoáng, coliform...

- *Nước thải sinh hoạt*: Lưu lượng khoảng 23,04 m³/ngày; thành phần ô nhiễm gồm: BOD₅, COD, SS, dầu mỡ động thực vật, NO₃⁻ (nitrat), photphat (PO₄³⁻), amoni, tổng coliform, fecal coliform, trứng giun sán.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

2.3.1. Trong giai đoạn xây dựng cơ bản:

- *Bụi, khí thải của phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: Bụi, CO, NO_x, SO₂, THC, andehyt.

- *Bụi, khí thải từ quá trình xây dựng cơ bản*: Lượng bụi phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản khoảng 23,8 mg/m³.

- *Bụi, khí thải của các thiết bị thi công*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: Bụi, SO₂, NO_x, CO.

2.3.2. Trong giai đoạn khai thác, chế biến khoáng sản:

- *Bụi, khí thải phát sinh trong quá trình đốt nhiên liệu của các phương tiện vận chuyển*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: Bụi, SO₂, CO, THC, NO_x, andehyt.

- *Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động nổ mìn, phá đá*: Nồng độ bụi phát sinh khoảng từ 7.517 mg/m³ (ở cao độ -30 m) đến 22.552 mg/m³ (ở cao độ +30 m).

- *Bụi phát sinh từ hoạt động khoan lỗ mìn, xúc bốc đá và vận chuyển*: Nồng độ bụi phát sinh khoảng 526,8 mg/m³.

- *Bụi phát sinh từ hoạt động chế biến*: Nồng độ bụi phát sinh khoảng 321,1 mg/m³.

- *Bụi phát sinh trên tuyến đường vận chuyển ngoài mỏ*: Nồng độ bụi phát sinh trên đường ĐH 507 khoảng từ 1.666,7 mg/m³ (mùa mưa) đến 3.750,1 mg/m³ (mùa khô).

- *Bụi phát sinh bãi thải ngoài mỏ*: Nồng độ bụi phát sinh khoảng 15,58 mg/m³ (tại khoảng cách 150 m).

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp thông thường:

2.4.1. Trong giai đoạn xây dựng cơ bản:

- *Chất thải rắn thông thường:* Phát sinh khoảng 2,025 – 2,25 tấn, chủ yếu là thực bì (rễ, cành, lá...).

- *Chất thải rắn sinh hoạt:* Phát sinh khoảng 185 kg/ngày; thành phần chủ yếu là bao bì nhựa, vỏ hộp, thủy tinh, giấy các loại, nylon, thức ăn thừa, vỏ trái cây...

2.4.2. Trong giai đoạn khai thác, chế biến khoáng sản:

- *Chất thải rắn sinh hoạt:* Phát sinh khoảng 259,2 kg/ngày; thành phần chủ yếu là rác thực phẩm, các loại túi nylon, giấy vụn phòng, hộp nhựa...

- *Chất thải rắn công nghiệp thông thường:* Phát sinh chủ yếu là đá rơi vãi, đá không đủ quy cách, đất phủ với khối lượng toàn mỏ khoảng 3.864.194 m³ nguyên khai.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

2.5.1. Trong giai đoạn xây dựng cơ bản: Lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 1.890 kg/năm bao gồm các loại chất thải như: Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại; bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính khác; pin, ắc quy chì thải; các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác; bao bì mềm thải (bao nylon dính dầu nhớt thải); bao bì cứng thải; chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại...

2.5.2. Trong giai đoạn khai thác, chế biến khoáng sản: Lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 4.907 kg/năm bao gồm các loại chất thải như: Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại; bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính khác; pin, ắc quy chì thải; các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác; bao bì mềm thải (bao nylon dính dầu nhớt thải); bao bì cứng thải; chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại...

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

3.1.1. Trong giai đoạn xây dựng cơ bản:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt:* Thu gom và xử lý bằng 02 bể tự hoại 05 ngăn hiện hữu (sử dụng chung tại khu văn phòng với mỏ đá Hùng Vương 2 và mỏ đá Tuấn Kiệt, dung tích 14,3 m³/bể). Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý bằng bể tự hoại 05 ngăn được thu gom về hồ thu nước moong khai thác của Dự án để tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn hiện hành; cặn lắng thải được định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Nước thải sinh hoạt và nước thải từ quá trình xây dựng cơ bản mỏ phải được thu gom, xử lý theo nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt; cặn lắng thải phải được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

3.1.2. Trong giai đoạn khai thác, chế biến khoáng sản:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt:* Thu gom và xử lý bằng 02 bể tự hoại 05 ngăn hiện hữu (sử dụng chung tại khu văn phòng với mỏ đá

Hùng Vương 2 và mỏ đá Tuấn Kiệt, dung tích 14,3 m³/bể) và xây dựng thêm 01 bể tự hoại 05 ngăn (dung tích chứa là 16 m³). Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý bằng bể tự hoại 05 ngăn được thu gom vào hố thu nước dưới moong khai thác để tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn hiện hành. Phần cặn thải định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải phát sinh trong quá trình khai thác mỏ (nước tháo khô mỏ)*: Toàn bộ nước trong moong khai thác được thu gom về hố thu bố trí trong moong khai thác. Nước từ hố thu có kích thước: 30 m x 20 m x 05 m, dung tích chứa 3.000 m³ (khi khai thác từ địa hình tự nhiên đến cote 0 m); và mở rộng lên với kích thước: 50 m x 40 m x 05 m, dung tích chứa 10.000 m³ (khi khai thác từ cote 0 m đến cote -30 m) được bơm cưỡng bức về hố lắng nước (kích thước: 20 m x 10 m x 05 m), dung tích chứa 1.000 m³ sau đó thoát ra suối Cạn phía Đông Bắc của Dự án bằng hệ thống cống bê tông (đường kính 0,8 m; dài 04 m).

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Nước thải sinh hoạt phải được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn hiện hành trước khi thải ra môi trường; cặn lắng thải phải được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định. Nước tháo khô mỏ phải đảm bảo xử lý đạt cột A, QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp với hệ số $k_q = 0,9$; $k_f = 1,0$ trước khi thải ra suối Cạn phía Đông Bắc của Dự án.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

3.2.1. Trong giai đoạn xây dựng cơ bản:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải*: Tiếp tục duy trì một số biện pháp để giảm thiểu như Dự án hiện hữu đang áp dụng như: Trồng cây keo lá tràm xung quanh moong khai thác, khu vực sân công nghiệp và khu văn phòng sử dụng chung với Công ty TNHH Tuấn Kiệt; thực hiện tưới nước tuyến đường vận chuyển trong moong vào mùa khô với tần suất 08 lần/ngày; sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Môi trường không khí khu vực thi công xây dựng đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.2.2. Trong giai đoạn khai thác, chế biến khoáng sản:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi phát sinh từ khâu khoan lỗ mìn và nổ mìn*: Sử dụng thiết bị khoan có túi hút và giữ bụi để ngăn ngừa bụi phát tán ra ngoài môi trường; không nổ mìn trong điều kiện thời tiết xấu; sau khi nổ mìn phải áp dụng phun nước cục bộ kiểu di động...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi phát sinh từ hoạt động chế biến đá*: Lắp đặt hệ thống phun nước làm ướt đá nguyên liệu trước khi đổ đá vào hàm cấp liệu; lắp đặt hệ thống phun nước tại hàm nghiền sơ cấp, thứ cấp, hàm côn và đầu

mỗi băng tải của mỗi máy nghiền sàng; mỗi trạm nghiền sàng bố trí 01 bồn chứa nước dung tích 20.000 lít; sử dụng xe bồn tưới nước thường xuyên mặt bằng sân công nghiệp và dọc tuyến đường trong khu vực chế biến và khu vực đường vận chuyển ngoài mỏ với tần suất tưới vào mùa mưa 04 lần/ngày, mùa khô 08 lần/ngày; trồng cây xanh xung quanh khu vực chế biến để ngăn bụi phát tán...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi trong quá trình xúc đổ đá*: Phun tưới nước trong quá trình đào xúc đổ đá; tất cả các xe vận chuyển đá phải có bạt che phủ...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi từ quá trình vận chuyển*: Phun nước thường xuyên dọc tuyến đường vận chuyển; xe vận chuyển phải có thùng kín, có bạt che, không được chở quá tải; trồng cây xanh dọc tuyến đường vận chuyển...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do khí thải từ hoạt động của các phương tiện khai thác và vận chuyển*: Điều phối xe không hoạt động tập trung; thường xuyên bảo dưỡng xe, không chở quá tải trọng quy định; sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Môi trường không khí khu vực Dự án đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

3.3.1. Trong giai đoạn xây dựng cơ bản:

- *Chất thải rắn xây dựng thông thường*: Thu gom toàn bộ lượng chất thải rắn xây dựng thông thường phát sinh. Đối với lượng chất thải xây dựng không thể tận dụng và thu hồi, Chủ Dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom và xử lý theo quy định.

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Thu gom vào 03 thùng chứa, dung tích 240 lít, bố trí tại văn phòng làm việc (01 cái), khu vực nhà ăn (01 cái), khu vực chế biến (01 cái); ngoài ra, Chủ Dự án còn bố trí thùng rác cá nhân loại 02 - 05 lít tại các phòng làm việc của mỏ. Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt phải được quản lý theo đúng quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Nghị định 40/2019/NĐ-CP ngày 13/05/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.3.2. Trong giai đoạn khai thác, chế biến khoáng sản:

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Thu gom vào 04 thùng chứa có dung tích 240 lít, bố trí tại văn phòng làm việc (01 cái), khu vực nhà ăn (02 cái), khu vực chế biến (01

cái); ngoài ra, Chủ Dự án còn bố trí thùng rác cá nhân loại 02 - 05 lít tại các phòng làm việc của mỏ. Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

- *Chất thải rắn công nghiệp thông thường*: Lượng đất đá thải được tận dụng làm đường, san lấp mặt bằng; lượng đất phủ được đổ thải vào bãi thải ngoài.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải được quản lý theo đúng quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Nghị định 40/2019/NĐ-CP ngày 13/05/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

3.4.1. Trong giai đoạn xây dựng cơ bản:

- Chất thải nguy hại được thu gom, phân loại và lưu chứa tại nhà chứa chất thải nguy hại có diện tích 30 m² ở khu vực xưởng sửa chữa, sử dụng chung với mỏ đá của Công ty TNHH Tuấn Kiệt với kết cấu: nền gạch, tường gạch xây, mái lợp tôn... Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo đúng quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo theo quy định của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và các quy định hiện hành.

3.4.2. Trong giai đoạn khai thác khoáng sản:

- Chất thải nguy hại được thu gom, phân loại và lưu chứa tại nhà chứa chất thải nguy hại có diện tích 30 m² ở khu vực xưởng sửa chữa, sử dụng chung với mỏ đá của Công ty TNHH Tuấn Kiệt với kết cấu: nền gạch, tường gạch xây, mái lợp tôn... theo đúng quy định về quản lý chất thải nguy hại. Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo đúng quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo theo quy định của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và các quy định hiện hành.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

3.5.1. Trong giai đoạn xây dựng cơ bản:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung*: Có kế hoạch thi công hợp lý, xe vận chuyển vật tư hoạt động vào thời gian thích hợp và không hoạt động tập trung; trang bị nút bịt tai cho công nhân; thường xuyên kiểm tra, theo dõi các máy móc, thiết bị...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường hiện hành có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng của Dự án.

3.5.2. Trong giai đoạn khai thác, chế biến khoáng sản:

Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung: Thường xuyên duy tu thiết bị, tra dầu mỡ vào các khớp động cơ để giảm tiếng ồn phát sinh; luân chuyển xe ra vào hợp lý; xây dựng chân đế của máy nghiền vững chắc...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động của Dự án.

3.6. Nội dung cải tạo, phục hồi môi trường:

3.6.1. Giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường:

- *Khu vực khai thác:* Thực hiện hoàn thổ toàn bộ diện tích đất moong kết thúc khai thác ở cote -30 m lên cao độ cote 0 m để hạn chế độ sâu của mỏ, sau đó cải tạo làm hồ chứa nước (với diện tích 22 ha) phục vụ mục đích tưới tiêu cho khu vực. Trong quá trình khai thác phải xây dựng hàng rào kẽm gai đan lưới ô vuông (30 cm x 30 cm) với trụ bê tông kích thước 20 cm x 20 cm, trụ cao 1,5 m, chôn sâu 0,5 m, các trụ cách nhau 02 m và tiến hành đắp đê bao có kích thước rộng đáy dưới 04 m, rộng đáy trên 02 m, cao 02 m xung quanh khu vực khai thác. Xung quanh khu vực khai thác và dọc ranh giới khu vực hoàn thổ phải lắp đặt các biển báo hình chữ nhật có kích thước 50 cm x 30 cm, bằng thép mỏng với mật độ 100 m/cái. Lượng đất phủ phát sinh từ quá trình bóc phủ của Dự án chỉ sử dụng cho công tác cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án, không được bán ra bên ngoài.

- *Khu vực phụ trợ (khu vực chế biến, sân công nghiệp, văn phòng...):* Phải tháo dỡ toàn bộ các công trình xây dựng, san gạt và trồng cây keo lá tràm trên toàn bộ diện tích khu vực này với mật độ 1.660 cây/ha.

3.6.2. Dự toán kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường và phương thức ký quỹ:

a) Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường là: **4.353.483.144 đồng** (Bốn tỷ ba trăm năm mươi ba triệu bốn trăm tám mươi ba nghìn đồng một trăm bốn mươi bốn đồng).

- *Số tiền đã ký quỹ tại Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam và Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Phước:* **1.726.547.120 đồng** (Một tỷ bảy trăm hai mươi sáu triệu năm trăm bốn mươi bảy nghìn một trăm hai mươi đồng).

- *Số tiền còn lại phải ký quỹ:* **2.626.936.024 đồng** (Hai tỷ sáu trăm hai mươi sáu triệu chín trăm ba mươi sáu nghìn không trăm hai mươi bốn đồng).

b) Số lần ký quỹ: 11 lần.

- Lần 1, số tiền: **525.388.000 đồng** (Năm trăm hai mươi lăm triệu ba trăm tám mươi tám nghìn đồng).

- Các lần sau, số tiền: **210.155.000 đồng** (Hai trăm mười triệu một trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2021.

- Thực hiện ký quỹ lần đầu trong thời hạn không quá 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày được phê duyệt phương án. Việc ký quỹ từ lần thứ hai trở đi phải thực hiện trước ngày 31 tháng 01 của năm ký quỹ.

c) Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Phước.

3.7. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong giai đoạn khai thác, chế biến khoáng sản:

- *Biện pháp khắc phục sự cố sạt lở bờ moong*: Khai thác theo đúng thiết kế, không lấn chiếm bờ moong khai thác; đào muong, đắp đê ngăn nước mặt chảy tràn vào mỏ và trồng cây xung quanh moong khai thác để chống xói mòn....

- *Đối với hoạt động nổ mìn*: Thông báo thời gian và lịch nổ mìn cho chính quyền và nhân dân địa phương; đảm bảo khoảng cách an toàn nổ mìn cho các đối tượng có khả năng bị ảnh hưởng, trong đó đối với người là 300 m, đối với thiết bị là 200 m; phối hợp với các mỏ lân cận để đưa ra phương án, kế hoạch và thời gian nổ mìn tối ưu, không bị trùng lặp nổ mìn giữa các mỏ để tránh gây ra cộng hưởng...

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án:

Các công trình bảo vệ môi trường chính sẽ được kiểm tra trước khi cho phép vận hành thử nghiệm và xác nhận hoàn thành để đi vào vận hành theo quy định gồm:

- Công trình thu gom, thoát nước mưa; công trình thu gom và xử lý nước tháo khô mỏ; công trình thu gom, xử lý và quản lý nước thải sinh hoạt.
- Công trình lưu giữ, quản lý chất thải rắn thông thường.
- Công trình lưu giữ, quản lý chất thải nguy hại.
- Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.
- Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ Dự án:

5.1. Chương trình giám sát giai đoạn khai thác, chế biến khoáng sản:

5.1.1. Giám sát môi trường không khí:

- *Vị trí giám sát*: 01 vị trí tại moong đang khai thác, thay đổi theo tiến độ khai thác của mỏ; 01 vị trí tại khu vực bốc tầng phủ, thay đổi theo tiến độ bốc tầng phủ của mỏ; 01 vị trí tại trạm nghiền sàng đá của sân công nghiệp; 01 vị trí tại khu vực văn phòng; 01 vị trí tại đường vận chuyển ra vào mỏ.

- *Thông số giám sát*: Vi khí hậu (nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng, tốc độ gió, hướng gió), tiếng ồn, bụi tổng, CO, SO₂, NO₂.

- *Tần suất giám sát*: 03 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng*: QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;

QCVN 26:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu; QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; QCVN 05:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

5.1.2. Giám sát chất lượng nước thải phát sinh từ quá trình khai thác:

- *Vị trí giám sát:* 01 mẫu nước thải tại hồ thu nước dưới đáy moong và 01 mẫu nước thải tại mương tiếp nhận nước thải dẫn ra suối Cạn.

- *Thông số giám sát:* Lưu lượng, pH, TSS, COD, BOD₅, tổng nitơ, tổng photpho (tính theo P), Fe, Pb, As, Cd, clorua, Mn, tổng dầu mỡ khoáng, tổng coliform.

- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A với hệ số $k_q = 0,9$; $k_f = 1,0$.

5.1.3. Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- *Vị trí giám sát:* Khu vực phát sinh, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại.

- *Thông số giám sát:* Khối lượng chất thải rắn, chất thải nguy hại.

- *Tần suất giám sát:* Thường xuyên và liên tục.

- *Quy định áp dụng:* Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và theo quy định hiện hành.

5.1.4. Giám sát các ảnh hưởng nổ mìn:

- *Nội dung giám sát:* Giám sát chấn động và giám sát ảnh hưởng tác động sóng không khí.

- *Tần suất giám sát:* 02 lần/năm.

- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và QCVN 01:2019/BCT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm, nghiệm thu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp và bảo quản tiền chất thuốc nổ.

5.1.5. Giám sát khác:

- Giám sát các yếu tố xói lở đất, sụt lún; giám sát bồi lắng lòng suối và giám sát thay đổi mực nước ngầm.

- *Tần suất giám sát:* 01 lần/năm.

6. Các điều kiện kèm theo:

6.1. Công ty TNHH Hùng Vương – Bình Phước phải thực hiện các thủ tục về đất đai theo quy định của Luật Đất đai năm 2013 đối với diện tích đất thực hiện Dự án.

6.2. Công ty TNHH Hùng Vương – Bình Phước phải thực hiện việc cải tạo, phục hồi môi trường khu vực sân công nghiệp, khu phụ trợ sử dụng chung với Công ty TNHH Tuấn Kiệt theo đúng nội dung tại Biên bản thỏa thuận ngày 17/5/2021 tại Văn phòng Công ty TNHH Hùng Vương – Bình Phước.

6.3. Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện các giải pháp sau: Thực hiện cân trọng tải xe, phủ bạt kín trước khi tham gia giao thông, đảm bảo xe chạy đúng trọng tải, không làm rơi vãi vật liệu ra đường. Yêu cầu tài xế điều khiển xe đúng tốc độ; hạn chế thấp nhất lưu thông vào thời gian cao điểm (giờ học sinh đi học, tan học; giờ đi làm và về của người dân). Lắp camera giám sát tốc độ của các xe chở vật liệu, truyền tải thông tin về Trung tâm IOC của thành phố Đồng Xoài. Khi hư hỏng đường do hoạt động vận chuyển của Dự án, Chủ Dự án phải sửa chữa, khắc phục, đền bù cho người dân kịp thời khi để xảy ra sự cố và phải cam kết với UBND xã Tiến Hưng trong quá trình thực hiện.

7. Các điều kiện có liên quan đến môi trường khác: Các yêu cầu đối với Chủ Dự án:

7.1. Tổ chức khai thác theo đúng tọa độ, diện tích, trữ lượng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép; tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về khai thác khoáng sản bảo đảm an toàn đối với cộng đồng dân cư và các công trình khác cần bảo vệ xung quanh khu vực mỏ.

7.2. Trồng cây keo lá tràm xung quanh moong khai thác của khu vực Dự án nhằm cải tạo cảnh quan môi trường, giảm khả năng lan truyền bụi, hạn chế rửa trôi, xói mòn đất do mưa lũ theo đúng nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

7.3. Tổ chức quan trắc hệ thống các thông số cơ lý của đất đá tại các khu vực sườn tầng và bờ moong khai thác để có các giải pháp xử lý kịp thời nhằm ngăn ngừa hiện tượng biến dạng bờ moong và tầng khai thác; khi phát hiện dấu hiệu có khả năng xảy ra sự cố, phải dừng các hoạt động khai thác, khẩn trương đưa người và thiết bị ra khỏi khu vực nguy hiểm, đồng thời báo cáo cơ quan có thẩm quyền kết hợp xử lý.

7.4. Lập phương án cụ thể và chi tiết về các biện pháp phòng chống, ứng phó các sự cố nhằm bảo đảm an toàn cho người, các công trình khai thác mỏ, môi trường xung quanh trong quá trình hoạt động của mỏ và sau khi đóng cửa mỏ.

7.5. Thực hiện các nghĩa vụ về tài chính đối với hoạt động khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật hiện hành; bảo đảm kinh phí để thực hiện hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình giám sát môi trường định kỳ như đã nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

7.6. Tuân thủ các quy định về an toàn phòng cháy, chữa cháy, ứng phó sự cố, an toàn lao động, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản và các quy định khác của pháp luật trong các hoạt động của Dự án.

7.7. Trong quá trình khai thác phải lắp biển báo, hàng rào che chắn khu vực Dự án. Thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường sau khai thác theo đúng quy định và những nội dung đã nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án. Trong quá trình sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, Chủ Dự án phải đảm bảo các quy định tại QCVN 01:2019/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm, nghiệm thu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp và bảo quản tiền chất thuốc nổ.

7.8. Định kỳ thực hiện Chương trình giám sát môi trường, giám sát ảnh hưởng do nổ mìn và công tác thu gom, xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại theo đúng nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt gửi báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường.

7.9. Thực hiện các yêu cầu của địa phương tại Công văn số 704/ ngày 12/4/2021 của UBND xã Tiến Hưng về việc ý kiến tham vấn về Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Đầu tư khai thác xuống sâu (từ cote 0 m đến cote -30 m) và nâng công suất khai thác – chế biến mỏ đá xây dựng (từ 300.000 m³/năm lên 800.000 m³/năm nguyên khối) tại mỏ đá xây dựng Đông Suối Sông Rinh, xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước do Công ty TNHH Hùng Vương – Bình Phước là chủ đầu tư và Biên bản họp tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi Dự án ngày 09/4/2021 tại phòng họp UBND xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài; phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong quá trình thực hiện Dự án để đảm bảo an ninh trật tự và ưu tiên tuyển dụng lao động tại địa phương.

7.10. Trong quá trình thực hiện nếu Dự án có những thay đổi so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, Chủ Dự án phải có văn bản báo cáo với cơ quan có thẩm quyền để được hướng dẫn thực hiện theo quy định.

7.11. Sau khi Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt Chủ Dự án có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án gửi cơ quan có thẩm quyền để kiểm tra, xác nhận trước khi đưa Dự án vào vận hành chính thức theo quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

7.12. Thực hiện các nội dung khác theo đúng quy định của pháp luật hiện hành./.